

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 33

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 16033000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 4 được cấp ngày 11 tháng 5 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Công ty có trụ sở chính tại khu 8, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Thắng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên	
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	
Ông Vũ Hoàng Chương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Minh Phương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Phạm Hoàng Giang	Thành viên	
Bà Vũ Thị Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Bà Đỗ Thị Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Thắng. Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Nguyễn Văn Quyền, Tổng Giám đốc Công ty, được Ông Nguyễn Quang Thắng ủy quyền ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2017



EY
Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61201381/18490673

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) được lập ngày 28 tháng 2 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kê toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phần ảnh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1

Trịnh Xuân Hòa

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

10/02/2017



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		424.076.406.630	397.802.197.708
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4	24.229.101.167	53.782.863.176
111	1. Tiền		24.229.101.167	24.151.278.940
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	29.631.584.236
120	<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>		353.566.645.773	289.724.592.557
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	353.566.645.773	289.724.592.557
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		39.268.987.868	48.949.067.313
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	28.243.174.142	39.079.068.233
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		278.666.109	1.172.257.976
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	10.997.719.697	9.122.525.684
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(250.572.080)	(424.784.580)
140	<i>IV. Hàng tồn kho</i>	8	5.056.329.439	5.228.868.255
141	1. Hàng tồn kho		5.056.329.439	5.228.868.255
150	<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>		1.955.342.383	116.806.407
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	12	1.310.404.515	116.806.407
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	644.937.868	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		455.717.002.327	474.597.473.676
220	<i>I. Tài sản cố định</i>		421.707.350.408	439.496.454.941
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	403.814.044.458	421.166.315.871
222	Nguyên giá		1.460.386.108.991	1.438.432.502.958
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.056.572.064.533)	(1.017.266.187.087)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	17.893.305.950	18.330.139.070
228	Nguyên giá		20.635.322.400	20.635.322.400
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.742.016.450)	(2.305.183.330)
240	<i>II. Tài sản dở dang dài hạn</i>		2.925.645	1.336.098.557
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.925.645	1.336.098.557
250	<i>III. Đầu tư tài chính dài hạn</i>		32.619.000.000	32.619.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.2	32.619.000.000	32.619.000.000
260	<i>IV. Tài sản dài hạn khác</i>		1.387.726.274	1.145.920.178
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.387.726.274	1.145.920.178
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		879.793.408.957	872.399.671.384

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		41.614.522.912	29.963.103.097
310	I. Nợ ngắn hạn		41.614.522.912	29.963.103.097
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	9.036.050.757	5.651.080.377
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		841.977.800	1.266.277.800
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	3.015.944.262	7.731.143.249
314	4. Phải trả người lao động		7.955.190.066	7.722.286.949
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	3.052.924.939
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	20.035.916.393	3.020.839.244
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		729.443.634	1.518.550.539
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		838.178.886.045	842.436.568.287
410	I. Vốn chủ sở hữu		838.178.886.045	842.436.568.287
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	14	635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		-	78.789.742.471
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		-	70.710.862.106
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		203.178.886.045	57.935.963.710
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		156.508.517.125	6.145.105.888
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		46.670.368.920	51.790.857.822
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		879.793.408.957	872.399.671.384

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Phụ trách kế toán

Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2017



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	241.080.375.864	251.087.216.645
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	241.080.375.864	251.087.216.645
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	17	(99.346.305.118)	(98.784.782.337)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		141.734.070.746	152.302.434.308
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	23.111.244.168	20.021.181.451
22	7. Chi phí tài chính		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(29.048.362.977)	(29.977.269.736)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		135.796.951.937	142.346.346.023
31	11. Thu nhập khác		1.968.567.030	2.367.886.051
32	12. Chi phí khác		(61.238.220)	(396.695.857)
40	13. Lợi nhuận khác		1.907.328.810	1.971.190.194
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		137.704.280.747	144.317.536.217
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	(27.533.795.440)	(29.026.678.395)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		110.170.485.307	115.290.857.822
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	1.735	1.737
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22	1.735	1.737

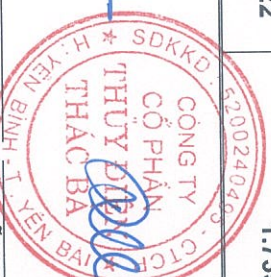
Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Phụ trách kế toán

Nguyễn Văn Quyên
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2017



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		137.704.280.747	144.317.536.217
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	9,10	43.258.069.506	43.818.204.492
03	Hoàn nhập dự phòng		(174.212.500)	(261.363.949)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(344.999)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(23.111.244.168)	(22.520.834.999)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		157.676.893.585	165.353.196.762
09	Giảm các khoản phải thu		10.220.375.981	58.197.074.106
10	Giảm hàng tồn kho		172.538.816	1.481.457.294
11	Giảm các khoản phải trả		(3.726.049.822)	(9.513.844.420)
12	Tăng chi phí trả trước		(241.806.096)	(1.145.920.178)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20,2	(31.248.294.189)	(30.186.076.835)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		726.177.916	330.648.278
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(7.373.056.382)	(5.299.124.784)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		126.206.779.809	179.217.410.223
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(19.805.836.364)	(43.736.446.978)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		2.075.000.000	2.500.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(350.940.211.543)	(265.291.656.212)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		287.098.158.327	88.160.417.705
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.719.520.132	17.042.237.230
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(60.853.369.448)	(201.325.448.255)

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHI TIẾT	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(94.907.172.370)	(199.263.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(94.907.172.370)	(199.263.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(29.553.762.009)	(221.371.038.032)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		53.782.863.176	275.153.556.209
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	344.999
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		24.229.101.167	53.782.863.176

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Phụ trách kế toán

Nguyễn Văn Quyển
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2017



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần gần nhất là lần thứ 4 được cấp ngày 11 tháng 5 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty có trụ sở chính tại Khu 8, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 140 (năm 2015: 140).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức số kế toán áp dụng

Hình thức số kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giá trị thuần từ thanh lý việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giá thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	9 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc năm tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được đánh giá lại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được đánh giá lại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.12

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được xác định căn cứ theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012/HĐ-NMĐTB ngày 28 tháng 6 năm 2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04 ngày 3 tháng 9 năm 2015 ký giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.



311
CỔ
T
ST
TỔ
HI
KI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế, hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trong yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.14 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND
Tiền mặt	391.233.039	880.772.960
Tiền gửi ngân hàng	23.837.868.128	23.270.505.980
Các khoản tương đương tiền	-	29.631.584.236
TỔNG CỘNG	24.229.101.167	53.782.863.176

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

5.1 Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	353.566.645.773	353.566.645.773	289.724.592.557	289.724.592.557
TỔNG CỘNG	353.566.645.773	353.566.645.773	289.724.592.557	289.724.592.557
<i>Trong đó:</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	295.735.442.729	295.735.442.729	235.218.274.891	235.218.274.891
Tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng là bên liên quan (Thuyết minh số 21)	57.831.203.044	57.831.203.044	54.506.317.666	54.506.317.666

(*) Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,8%/năm đến 7,2%/năm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (tiếp theo)

5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị VND	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	3.000.000	32.619.000.000	3.000.000	32.619.000.000
TỔNG CỘNG	3.000.000	32.619.000.000	3.000.000	32.619.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm giữ 0,6% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCoM trong năm 2016 với mức giá giao dịch bình quân trong 5 ngày cuối tháng 12 năm 2016 trong khoảng từ 10.300 VND đến 11.517 VND/cổ phiếu.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm		Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Giá trị VND	Số đầu năm	Giá trị VND
Phải thu của khách hàng	5.018.142.985	4.149.995.114		
- Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Thị nghiệm điện	2.171.291.463	3.255.711.427		
- Các công ty khác	2.846.851.522	894.283.687		
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	23.225.031.157	34.929.073.119		
TỔNG CỘNG	28.243.174.142	39.079.068.233		
Dự phòng phải thu khó đòi	(250.572.080)	(424.784.580)		

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm		Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Giá trị VND	Số đầu năm	Giá trị VND
Phải thu tiền lãi	8.314.811.398	5.923.087.362		
Phải thu thuế thu nhập cá nhân của cán bộ công nhân viên của Công ty	507.751.881	1.204.575.085		
Tạm ứng cho nhân viên	281.416.370	1.044.832.651		
Phải thu khác	1.893.740.048	950.030.586		
TỔNG CỘNG	10.997.719.697	9.122.525.684		

8. HÀNG TỒN KHO

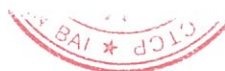
	Số cuối năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.734.865.572	-	4.869.492.406	-
Công cụ, dụng cụ	321.463.867	-	359.375.849	-
TỔNG CỘNG	5.056.329.439	-	5.228.868.255	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	642.040.197.362	773.578.753.024	17.724.176.684	4.971.921.343	117.454.545	1.438.432.502.958
- Mua trong năm	40.909.091	477.200.000	-	207.000.000	-	725.109.091
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	19.240.057.840	-	-	-	19.240.057.840
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6.339.879.694)	-	-	-	(6.339.879.694)
- Tăng khác (*)	7.790.526.196	537.792.600	-	-	-	8.328.318.796
Số dư cuối năm	<u>649.871.632.649</u>	<u>787.493.923.770</u>	<u>17.724.176.684</u>	<u>5.178.921.343</u>	<u>117.454.545</u>	<u>1.460.386.108.991</u>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	6.116.942.265	303.998.555.542	11.942.287.302	4.781.120.249	-	326.838.905.358
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm	407.349.841.364	590.266.935.089	14.788.574.614	4.817.670.277	43.165.743	1.017.266.187.087
- Khấu hao trong năm	21.617.495.736	20.507.046.059	599.185.955	85.763.194	11.745.442	42.821.236.386
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6.339.879.694)	-	-	-	(6.339.879.694)
- Tăng khác (*)	2.716.962.234	107.558.520	-	-	-	2.824.520.754
Số dư cuối năm	<u>431.684.299.334</u>	<u>604.541.659.974</u>	<u>15.387.760.569</u>	<u>4.903.433.471</u>	<u>54.911.185</u>	<u>1.056.572.064.533</u>
Giá trị còn lại:						
Số dư đầu năm	<u>234.690.355.998</u>	<u>183.311.817.935</u>	<u>2.935.602.070</u>	<u>154.251.066</u>	<u>74.288.802</u>	<u>421.166.315.871</u>
Số dư cuối năm	<u>218.187.333.315</u>	<u>182.952.263.796</u>	<u>2.336.416.115</u>	<u>275.487.872</u>	<u>62.543.360</u>	<u>403.814.044.458</u>

(*) Công ty điều chỉnh tăng nguyên giá tài sản cố định và khấu hao lũy kế theo kết luận thanh tra số 05/L-TTr ngày 11 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh Yên Bái.



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Nguyên giá:	Quyền sử dụng		Phân mềm máy tính	Tổng cộng
	đất			
Số dư đầu năm và cuối năm	20.558.322.400		77.000.000	20.635.322.400
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu năm	2.282.495.830		22.687.500	2.305.183.330
Hao mòn trong năm	411.166.450		25.666.670	436.833.120
Số dư cuối năm	2.693.662.280		48.354.170	2.742.016.450
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	18.275.826.570		54.312.500	18.330.139.070
Số dư cuối năm	17.864.660.120		28.645.830	17.893.305.950

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

Đơn vị tính: VND

Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh	4.122.600.000	4.122.600.000	4.122.600.000	4.122.600.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện II	-	-	556.799.291	556.799.291
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	938.524.834	938.524.834	971.681.086	971.681.086
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	3.974.925.923	3.974.925.923	-	-
TỔNG CỘNG	9.036.050.757	9.036.050.757	5.651.080.377	5.651.080.377

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

Phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/cần trừ trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	23.522.968.766	23.503.171.012	19.797.754
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thu yết minh số 20.2)	5.950.781.908	27.533.795.440	31.248.294.189	2.236.283.159
Thuế thu nhập cá nhân	227.587.162	2.305.139.514	2.532.726.676	-
Thuế tài nguyên	1.552.774.179	21.527.744.120	22.320.654.950	759.863.349
TỔNG CỘNG	7.731.143.249	74.889.647.840	79.604.846.827	3.015.944.262

Đơn vị tính: VND

Phải thu	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	116.806.407	3.207.099.122	2.013.501.014	1.310.404.515
Thuế thu nhập cá nhân	-	644.937.868	-	644.937.868
TỔNG CỘNG	116.806.407	3.852.036.990	2.013.501.014	1.955.342.383

13. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	19.224.963.690	176.619.500
Phí môi trường rừng	503.234.160	1.404.828.400
Chi phí ủng hộ xây dựng Trường THCS Yên Bình	-	1.000.000.000
Khác	307.718.543	439.391.344
TỔNG CỘNG	20.035.916.393	3.020.839.244

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	635.000.000.000	42.155.876.721	107.344.727.856	138.636.534.501	923.137.139.078
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	115.290.857.822	115.290.857.822
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(172.483.321)	(172.483.321)
Cổ tức công bố	-	-	-	(190.500.000.000)	(190.500.000.000)
Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	-	-	-	(318.945.292)	(318.945.292)
Điều chuyển quỹ sang Vốn khác của chủ sở hữu	-	36.633.865.750	(36.633.865.750)	-	-
Số cuối năm	635.000.000.000	78.789.742.471	70.710.862.106	57.935.963.710	842.436.568.287
Năm nay					
Số đầu năm	635.000.000.000	78.789.742.471	70.710.862.106	57.935.963.710	842.436.568.287
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	110.170.485.307	110.170.485.307
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành (*)	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(114.300.000.000)	(114.300.000.000)
Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách (*)	-	-	-	(305.592.000)	(305.592.000)
Điều chuyển sang Lợi nhuận chưa phân phối (**)	-	(78.789.742.471)	(70.710.862.106)	149.500.604.577	-
Điều chỉnh theo kết luận thanh tra của UBND tỉnh Yên Bái	-	-	-	5.677.424.451	5.677.424.451
Số cuối năm	635.000.000.000	-	-	203.178.886.045	838.178.886.045

(*) Việc trích lập các quỹ, chia cổ tức và trích thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 được thực hiện theo Nghị quyết số 651/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ("Nghị quyết số 651").

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(**) Việc điều chuyển các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu về lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ được thực hiện theo Nghị quyết số 651 và Nghị quyết số 1072/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 17 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng Quản trị.

14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu thường ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường ưu đãi
Vốn góp cổ đông	63.500.000	63.500.000	-	63.500.000
TỔNG CỘNG	63.500.000	63.500.000	-	63.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 10.000 VND).

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Đơn vị tính: VND

Cổ đông	Vốn điều lệ đã góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (công ty mẹ)	381.651.680.000	60,10%
Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Phát điện 3	190.500.000.000	30,00%
Các cổ đông khác	62.848.320.000	9,90%
TỔNG CỘNG	635.000.000.000	100%

14.3 **Cổ tức** Đơn vị tính: VND

Năm nay	Năm trước
---------	-----------

Cổ tức đã công bố trong năm

Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông

Tạm ứng cổ tức cho năm 2016: 1.000 VND/cổ phiếu	63.500.000.000	-
Cổ tức cho năm 2015: 800 VND/cổ phiếu	50.800.000.000	-
Tạm ứng cổ tức cho năm 2015: 1.000 VND/cổ phiếu	-	63.500.000.000
Cổ tức cho năm 2014: VND 2.000/cổ phiếu	-	127.000.000.000

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đã được duyệt	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

15. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	394	388
- Đô la Singapore (SGD)	4.840	4.840

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	241.080.375.864	251.087.216.645
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu bán điện	232.524.648.229	243.578.663.277
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.555.727.635	7.508.553.368
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	241.080.375.864	251.087.216.645
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	8.555.727.635	7.508.553.368
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 21)	232.524.648.229	243.578.663.277

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16.	DOANH THU (tiếp theo)		
16.2	Doanh thu hoạt động tài chính		
		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.011.244.168	18.220.834.999
	Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.100.000.000	1.800.000.000
	Lãi chênh lệch tỷ giá	-	346.452
	TỔNG CỘNG	23.111.244.168	20.021.181.451
17.	GIẢ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP		
		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	Giá vốn của hoạt động bán điện	96.643.221.330	97.294.266.237
	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.703.083.788	1.490.516.100
	TỔNG CỘNG	99.346.305.118	98.784.782.337
18.	CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	Chi phí nhân công	11.881.399.649	11.484.244.138
	Chi phí khấu hao và hao mòn	2.452.436.481	1.050.418.250
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.837.059.077	6.988.194.000
	Chi phí khác	9.877.467.770	10.454.413.348
	TỔNG CỘNG	29.048.362.977	29.977.269.736
19.	CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.090.973.627	4.120.520.351
	Chi phí nhân công	31.615.157.948	28.931.505.454
	Chi phí khấu hao và hao mòn	43.258.069.506	43.818.204.492
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.630.254.052	7.859.317.239
	Chi phí khác	41.800.212.962	44.032.504.537
	TỔNG CỘNG	128.394.668.095	128.762.052.073



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("TNDN") ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế TNDN là 20% được áp dụng từ năm 2016.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được tính bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1	Chi phí thuế TNDN	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
	Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.131.307.149	29.026.678.395
	Điều chỉnh thuế trích thiếu các năm trước	402.488.291	-
	TỔNG CỘNG	27.533.795.440	29.026.678.395

20.2	Thuế TNDN hiện hành	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
	Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.		

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	137.704.280.747	144.317.536.217
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>	52.254.999	101.295.548
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước đã thực hiện năm nay	344.999	-
Chi phí không được khấu trừ khác	51.910.000	101.295.548
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>	(2.100.000.000)	(1.800.344.999)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.100.000.000)	(1.800.000.000)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(344.999)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	135.656.535.746	142.618.486.766
Thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	27.131.307.149	29.026.678.395
Thuế TNDN phải trả đầu năm	5.950.781.908	7.110.180.348
Điều chỉnh thuế trích thiếu các năm trước	402.488.291	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(31.248.294.189)	(30.186.076.835)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	2.236.283.159	5.950.781.908

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Doanh thu bán điện	232.524.648.229	243.578.663.277
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức	58.320.338.400	97.200.564.000
Công ty TNHH MTTV - Tổng Công ty Phát điện 3	Cổ đông lớn	Chi trả cổ tức	15.240.000.000	65.913.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Bên liên quan với cổ đông lớn	Tiền lãi cho vay	3.741.270.040	3.359.759.521
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh	Bên liên quan với cổ đông lớn	Mua hàng	4.122.600.000	29.267.910.891

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: Không trích lập). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Bên liên quan với cổ đông lớn	Tiền gửi có kỳ hạn	57.831.203.044	54.506.317.666
Dầu tư tài chính ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)			57.831.203.044	54.506.317.666

Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)

Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện	23.225.031.157	34.929.073.119
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11)			23.225.031.157	34.929.073.119

Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải trả tiền điện đầu vào	3.974.925.923	-
3.974.925.923		3.974.925.923	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	2.245.993.303	2.126.633.293
TỔNG CỘNG	<u>2.245.993.303</u>	<u>2.126.633.293</u>

22. LẠI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	110.170.485.307	115.290.857.822
Quý Khen thưởng, phúc lợi được trích lập trong năm	-	(5.000.000.000)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>110.170.485.307</u>	<u>110.290.857.822</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	63.500.000	63.500.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>63.500.000</u>	<u>63.500.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.735	1.737
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.735	1.737

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2015 để phản ánh khoản thực trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 15 tháng 4 năm 2016.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2016 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2016 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 90% tổng doanh thu và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không thực hiện lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng các biện pháp kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục giám sát việc thực hiện quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thông nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói tên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nắm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Công ty không có rủi ro về ngoại tệ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình hình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc đối chặt chế các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo.

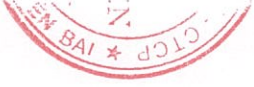
Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng và định chế tài chính được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4 và 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Đơn vị tính: VND

	<i>Quá hạn nhưng không bị suy giảm</i>	
	<i>Không quá hạn và không bị suy giảm</i>	<i>> 210 ngày</i>
Số cuối năm	38.708.905.389	36.537.613.925
Số đầu năm	47.776.809.337	47.177.812.257
Tổng cộng	47.776.809.337	47.177.812.257



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09-DN

THUYẾT MINH BÀO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã chiết khấu:

Đơn vị tính: VND

Bất kỳ thời điểm nào

Số cuối năm

Phải trả người bán

9.036.050.757

Chi phí phải trả và khoản phải trả khác

20.035.916.393

29.071.967.150

Số đầu năm

Phải trả người bán

5.651.080.377

Chi phí phải trả và khoản phải trả khác

6.073.764.183

11.724.844.560

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.229.101.167	-	53.782.863.176	-	24.229.101.167	53.782.863.176
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	353.566.645.773	-	289.724.592.557	-	353.566.645.773	289.724.592.557
Phải thu khách hàng	28.243.174.142	250.572.080	39.079.068.233	424.784.580	28.243.174.142	38.654.283.653
Phải thu khác	10.716.303.327	-	8.077.693.033	-	10.716.303.327	8.077.693.033
Đầu tư tài chính dài hạn	32.619.000.000	-	32.619.000.000	-	34.500.000.000	32.619.000.000
TỔNG CỘNG	449.374.224.409	250.572.080	423.283.216.999	424.784.580	451.255.224.409	422.858.432.419
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả người bán		9.036.050.757		5.651.080.377	9.036.050.757	5.651.080.377
Phải trả khác		20.035.916.393		6.073.764.183	20.035.916.393	6.073.764.183
TỔNG CỘNG		29.071.967.150		11.724.844.560	29.071.967.150	11.724.844.560

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09-DN

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

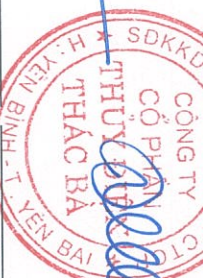
- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch;
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các công cụ này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc



Yên Bái, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

